

Số: 1658/2019/QĐST-HC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Long.

2. Bà Trần Thị Bích Vân.

Căn cứ vào Điều 143, Điều 144 và Điều 165 của Luật Tổ tụng hành chính;

Xét thấy:

Ngày 19/12/2008, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1229/QĐ-UBND “Về việc thu hồi đất của hộ Nguyễn Thị Thu H trong dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây” thu hồi 837,8m² đất của hộ Nguyễn Thị Thu H thuộc một phần thửa 2, tờ bản đồ số 81 (theo tài liệu năm 2003) bộ địa chính, phường L, Quận C. Đến ngày 16/4/2010, UBND Quận C ban hành Quyết định số 668/QĐ-UBND-BBT “Về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: 65 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây tại phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh” bồi thường, hỗ trợ cho Nguyễn Thị Thu H được bồi thường, hỗ trợ số tiền là 731.866.000 đồng.

Sau khi có các quyết định trên, bà Dương Thị Kim A gửi đơn tranh chấp, yêu cầu UBND Quận C phải chi trả số tiền trên cho bà A vì thực tế bà H đã sang nhượng phần đất được bồi thường, hỗ trợ trên cho bà A từ năm 2001 (đất chưa được cấp giấy chứng nhận, việc sang nhượng bằng giấy tay). Tuy nhiên, bà H không thừa nhận việc này.

Ngày 12/01/2012, Chủ tịch UBND Quận C ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND “V/v giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị Thu H tranh chấp đất với bà Dương Thị Kim A tại phường L, Quận C” có nội dung: Công nhận cho hộ bà Nguyễn Thị Thu H được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất 4620,9m² thuộc một phần thửa 418, tờ bản đồ số 5, tài liệu 299/TTg tương ứng thuộc một phần thửa số 2, tờ bản đồ 81 (trong đó bao gồm cả phần diện tích đất bà H bị thu hồi nói trên).

Không đồng ý với quyết định, bà A khiếu nại đến Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/01/2015, UBND Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số

333/UBND-PCNC “V/v giải quyết tranh chấp giữa bà Dương Thị Kim A và bà Nguyễn Thị Thu H, Quận C” truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh: “Bản chất của vụ việc tranh chấp giữa bà Dương Thị Kim A và bà Nguyễn Thị Thu H là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30 tháng 01 năm 2001”. Từ đó, căn cứ vào điểm 2, Mục II, Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao chỉ đạo Chủ tịch UBND Quận C thu hồi Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 12/01/2012.

Ngày 06/3/2015, Chủ tịch UBND Quận C ban hành Quyết định số 111/QĐ-UBND “V/v thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 của Chủ tịch UBND Quận C về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị Thu H tranh chấp đất với bà Dương Thị Kim A tại phường L”.

Bà A và bà H đều không khiếu nại, khởi kiện quyết định trên.

Ngày 14/4/2015, bà A tiếp tục nộp đơn đề nghị được nhận tiền đền bù, hỗ trợ đất.

Ngày 02/7/2015, UBND Quận C ban hành Văn bản số 1388/UBND-BBT “V/v trả lời đơn của bà Dương Thị Kim A” có nội dung: Hồ sơ bồi thường đứng tên bà Nguyễn Thị Thu H, nên bà H được quyền liên hệ với Ban Bồi thường-GPMB Quận C để được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định đã công bố; Trường hợp bà Dương Thị Kim A nộp đơn xin được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ do bà H đứng tên là không có cơ sở xem xét giải quyết; Nếu bà A có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà H để nhận số tiền trên thì đề nghị bà A nộp đơn khởi kiện tại Tòa án để giải quyết theo quy định. Sau 15 ngày (kể từ ngày ban hành văn bản này) nếu bà A không cung cấp được cho UBND Quận C và Ban Bồi thường-GPMB giấy biên nhận đơn của Tòa án, Biên lai tạm ứng án phí làm cơ sở để Tòa án thụ lý vụ án thì UBND Quận C sẽ tiến hành chi tiền cho hộ bà H.

Bà A khiếu nại Văn bản số 1388/UBND-BBT ngày 02/7/2015. Tuy nhiên, cho đến nay Chủ tịch UBND Quận C không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại và không có văn bản trả lời cho bà A. Bà A xác định không thực hiện khiếu nại đến Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28/12/2016, bà A nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Chủ tịch UBND Quận C ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Đồng thời, buộc UBND Quận C phải ra văn bản thu hồi số tiền bồi thường đã chi trả cho bà H để chi trả cho bà A.

Quá trình giải quyết vụ án, bà A khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 1388/UBND-BBT ngày 02/7/2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

-Bà Dương Thị Kim C là người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị Kim A rút lại yêu cầu khởi kiện: Buộc UBND Quận C phải ra văn bản thu hồi số tiền bồi thường đã chi trả cho bà H để chi trả cho bà A.

-Bà C cung cấp bản sao Đơn khiếu nại Văn bản số 1388/UBND-BBT

ngày 02/7/2015 ghi ngày 08/7/2015 và Biên nhận hồ sơ số 48/BN-HS ngày 10/7/2015 của UBND Quận C. Xác định không đồng ý khởi kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà H.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cung cấp bản sao Đơn khiếu nại văn bản số 1388/UBND-BBT ngày 02/7/2015 ghi ngày 08/7/2015 của bà A, cùng các tài liệu chứng minh bà A không hợp tác trong quá trình giải quyết khiếu nại. Xác định Chủ tịch UBND Quận C không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, không có văn bản trả lời cho bà A; Vụ việc đã hết thời hạn giải quyết khiếu nại. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án vì việc khởi kiện của bà A thuộc trường hợp hết thời hiệu khởi kiện và đã rút yêu cầu khởi kiện phần yêu cầu buộc UBND Quận C phải ra văn bản thu hồi số tiền bồi thường đã chi trả cho bà H để chi trả cho bà A.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 02/7/2015, UBND Quận C ban hành Văn bản số 1388/UBND-BBT, đến ngày 10/7/2015 bà A nộp đơn khiếu nại Văn bản này (Biên nhận hồ sơ số 48/BN-HS ngày 10/7/2015 của UBND Quận C). Trường hợp khiếu nại của bà A là khiếu nại lần đầu, thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND Quận C.

Căn cứ Điều 27 và Điều 28 Luật khiếu nại thì thời hạn thụ lý và giải quyết khiếu nại lần đầu tối đa là 70 ngày tính kể từ ngày nhận đơn khiếu nại. Như vậy, tính đến 21/9/2015 là hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu.

Tại Khoản 1 Điều 7 Luật Khiếu nại quy định:

“Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần 2 đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.”

Điều b, Khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính quy định:

“3. Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện được quy định như sau:

b) 01 năm kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật mà cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền không giải quyết và không có văn bản trả lời cho người khiếu nại.”

Như vậy, bà A có quyền nộp đơn khởi kiện tại Tòa án đối với hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND Quận C và yêu cầu hủy Văn bản số 1388/UBND-BBT ngày 02/7/2015 của UBND Quận C trong thời hạn 01 năm tính từ ngày 22/9/2015.

Đến ngày 28/12/2016 bà A mới nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận C là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Căn cứ điểm g, Khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét

xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện buộc Chủ tịch UBND Quận C giải quyết khiếu nại và yêu cầu hủy Văn bản số 1388/UBND-BBT ngày 02/7/2015 của UBND Quận C.

Đối với yêu cầu khởi kiện buộc UBND Quận C phải ra văn bản thu hồi số tiền bồi thường đã chi trả cho bà H để chi trả cho bà A, do bà C đại diện cho bà A đã rút yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm b, Khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 111/2017/TLST-HC ngày 30 tháng 3 năm 2017 về “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính”, giữa:

Người khởi kiện: Bà Dương Thị Kim A.

Địa chỉ: 3/28 Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị Kim A:

Bà Dương Thị Kim C.

Địa chỉ: 170/11A Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà C có mặt khi xét xử, vắng mặt khi Tòa tuyên án, bà A có mặt khi Tòa tuyên án).

Theo văn bản ủy quyền lập ngày 25/9/2017.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị Kim A:

Luật sư Nguyễn Văn K, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện:

-Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 2/304 phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 2/304 phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Quận C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C: Ông Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C.

Theo văn bản ủy quyền lập ngày 20/4/2017 và ngày 18/4/2018.

(Ông T có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C:

Ông Nguyễn Văn Đ - Phó Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận C:

Ông Nguyễn Văn Đ - Phó Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận C.

Ông Nguyễn Thanh P – Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 1 – Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Văn N.

Địa chỉ: 65 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H và ông N có đơn xin vắng mặt).

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Hoàn trả cho bà Dương Thị Kim Asố tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AC/2014/0008797 ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ các trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại các điểm b, c và e khoản 1 Điều 123, điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 143 của Luật Tổ tụng hành chính và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận C, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Bảo Nguyên